

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 114/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số nội dung về kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

PHẦN A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động nghiệp vụ do cơ quan chuyên trách của ngành Hải quan thực hiện nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của việc khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan làm cơ sở xem xét mức độ ưu tiên trong việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và xử lý vi phạm (nếu có).

2. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện thông qua việc kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các chứng từ có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; trong trường hợp cần thiết và đủ điều kiện thì

kiểm tra hàng hoá nhập khẩu đã được thông quan của các tổ chức, cá nhân (gọi là đơn vị được kiểm tra) sau đây:

a) Chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Tổ chức được chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu uỷ thác và trực tiếp thay mặt bên uỷ thác làm thủ tục hải quan.

c) Người được uỷ quyền hợp pháp (áp dụng trong trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, vật phẩm không nhằm mục đích thương mại) thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại.

d) Đại lý làm thủ tục hải quan.

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo đường bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế.

3. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Hồ sơ hải quan của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã thông quan đều được kiểm tra sau thông quan theo nguyên tắc kiểm tra hải quan được quy định tại khoản 1a Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan và được tiến hành theo quy định của pháp luật; bảo mật thông tin; bảo đảm khách quan, chính xác, không gây cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của đơn vị được kiểm tra.

4. Dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 154/2005/NĐ-CP) gồm:

a) Chứng từ thuộc hồ sơ hải quan không hợp pháp, hợp lệ theo quy định về hình thức, nội dung ghi chép, trình tự thời gian (như không khớp, không đúng, không thống nhất, thiếu tính hợp lý giữa các chứng từ trong hồ sơ hải quan liên quan đến các thông tin về tên hàng; số lượng; trọng lượng; dung tích, thể tích; nhãn hiệu; mã số, thuế suất; tính chất; thành phần, cấu tạo; công dụng; quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hoá), hoặc có dấu hiệu giả mạo chứng từ.

b) Giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu bất hợp lý:

- Chênh lệch thấp hơn nhiều, hoặc cao hơn nhiều so với: Giá bán của hàng hoá đó trên thị trường trong nước sau khi đã trừ thuế, các chi phí và lợi nhuận hợp lý; Giá tính thuế nhập khẩu của hàng hoá giống hệt, hàng hoá tương tự do các đơn vị khác nhập khẩu tại cùng thời điểm, cùng thị trường, cùng phương thức giao hàng;
- Khai không đúng các khoản phải cộng vào hoặc các khoản bị trừ ra khỏi trị giá giao dịch, mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán; Phương thức và thời gian thanh toán thực tế không đúng với khai hải quan;
- Bất hợp lý trong việc khai phương thức vận tải, phương tiện vận tải, quãng đường vận tải, tuyến đường vận tải, cước phí vận tải, phí bảo hiểm có liên quan đến xác định trị giá hải quan.

c) Gian lận trong việc hưởng ưu đãi về thuế, gian lận thương mại như: Sử dụng không đúng mục đích, gian lận định mức tiêu hao nguyên liệu, phụ liệu đối với hàng gia công, hàng nhập khẩu sản xuất hàng xuất khẩu; gian lận để được hưởng chế độ miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; nhập khẩu hàng hoá vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ và vi phạm quy định về xuất xứ hàng hoá.

d) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quản lý chuyên ngành nhưng giấy phép không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu; Chứng thư giám định, phân tích, phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với thực tế của hàng hoá.

5. Thời hạn kiểm tra tại trụ sở đơn vị được kiểm tra

a) Trước khi tiến hành kiểm tra theo kế hoạch, cơ quan Hải quan phải thông báo Quyết định kiểm tra cho đơn vị được kiểm tra chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc. Trường hợp cơ quan Hải quan có cơ sở xác định đơn vị có dấu hiệu về hành vi tiêu huỷ hồ sơ, tài liệu thì việc kiểm tra được thực hiện ngay sau khi công bố quyết định kiểm tra mà không phải thông báo trước.

b) Ngày làm việc tại trụ sở đơn vị được kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 68 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP là ngày cơ quan Hải quan thực tế tiến hành kiểm

tra tại đơn vị, trường hợp gián đoạn kiểm tra phải ghi rõ lý do vào biên bản.

6. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan các cấp trong việc kiểm tra sau thông quan

a) Kiểm tra sau thông quan là trách nhiệm của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong toàn ngành Hải quan về công tác kiểm tra sau thông quan, quyết định kiểm tra sau thông quan theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan là cơ quan chuyên trách giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong ngành Hải quan thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan, tiến hành kiểm tra sau thông quan theo quy định.

c) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan trong phạm vi địa bàn quản lý về kiểm tra sau thông quan được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Phòng Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị chuyên trách giúp Cục trưởng Cục Hải quan thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan.

d) Cán bộ công chức chuyên trách làm công tác kiểm tra sau thông quan ngoài những tiêu chuẩn chung của công chức hải quan phải có những kiến thức và kỹ năng cần thiết đã qua đào tạo về Pháp luật Thuế, Kế toán, Kiểm toán và Pháp luật về Thanh tra, kiểm tra. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, có trách nhiệm quy định cụ thể tiêu chuẩn, tổ chức đào tạo, bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra sau thông quan.

7. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan

a) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định kiểm tra đối với các đơn vị được kiểm tra thuộc địa bàn quản lý (nơi đăng ký mã số thuế); Trường hợp đơn vị được kiểm tra sau thông quan không thuộc địa bàn quản lý nhưng đã làm thủ tục hải quan trong địa bàn quản lý, nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện kiểm tra theo các trình tự như sau:

- Tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan của đơn vị được kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan;
- Nếu cần thiết phải kiểm tra trực tiếp tại trụ sở đơn vị được kiểm tra thì báo cáo Tổng cục Hải quan và thông báo Cục Hải quan quản lý địa bàn.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với các trường hợp có nội dung kiểm tra phức tạp, phạm vi kiểm tra liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan được ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan.

PHẦN B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. Hình thức và phương pháp kiểm tra sau thông quan

Hồ sơ hải quan của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã thông quan được tiến hành kiểm tra sau thông quan theo các hình thức và phương pháp sau:

- 1.** Kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan theo phương pháp đối chiếu, so sánh giữa nội dung khai tại hồ sơ hải quan với các thông tin nghiệp vụ hải quan và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 2.** Kiểm tra tại trụ sở đơn vị được kiểm tra theo phương pháp đối chiếu, so sánh giữa sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu với nội dung khai hải quan. Trong trường hợp cần thiết và đủ điều kiện thì kiểm tra thực tế hàng hoá đã được thông quan

II. Trình tự và nội dung kiểm tra sau thông quan

1. Kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan

a) Kiểm tra hồ sơ hải quan:

- Kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ trong hồ sơ hải quan đối chiếu với các nội dung khai trong tờ khai hải quan;
- Kiểm tra việc khai, tính thuế, nộp thuế thông qua việc xác định các căn cứ tính thuế bao gồm: Trị giá tính thuế; thuế suất; số lượng hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
- Kiểm tra các điều kiện liên quan đến việc hưởng ưu đãi về thuế như miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế (nếu có), các khoản điều chỉnh thuế và các khoản thu khác;